

Bản án số: 67/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 8 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Phong và ông Bùi Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Linh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2026/QĐXX - ST ngày 28/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh ngày 07/01/1987, số CCCD 017187013274. Địa chỉ: Xóm T, xã Y, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Quang N1 – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Chi nhánh số 2, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh P; có mặt.

- Bị đơn: Anh Cao Văn Đ, sinh ngày 24/4/1983, số CCCD 038083038461. Địa chỉ: Xóm T, xã Y, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Cao Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xã Y, tỉnh Phú Thọ) ngày 21/10/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách lối sống nên hay xảy ra cãi vã. Anh Đ hay tụ tập uống rượu và

bạo lực với chị và các con. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm và khó có thể hàn gắn. Do vậy, chị yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ giải quyết cho chị ly hôn với anh Cao Văn Đ.

2. *Về con chung*: Vợ chồng chị có 02 (hai) con chung là Bùi Cao Thanh B, sinh ngày 07/4/2014 và Bùi Cao Yến N2, sinh ngày 15/6/2018. Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Bùi Cao Thanh B và Bùi Cao Yến N2. Chị Bùi Thị N chưa yêu cầu anh Cao Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung

3. *Về tài sản chung*: Không có tài sản chung.

4. *Về nợ chung*: Không có nợ chung.

Phần trình bày của bị đơn:

Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn, lấy lời khai và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Tòa án tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn, không tiến hành phiên hòa giải được và nguyên đơn đề nghị không tiến hành hoà giải vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các nội dung đã trình bày, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết vụ án theo các quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N, xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Cao Văn Đ.

+ *Về con chung*: Giao cho chị Bùi Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Bùi Cao Thanh B, sinh ngày 07/4/2014 và Bùi Cao Yến N2, sinh ngày 15/6/2018. Ghi nhận chị Bùi Thị N chưa yêu cầu anh Cao Văn Đ việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết. Anh Cao Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Bùi Thị N và anh Cao Văn Đ không có nợ chung. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Kết hôn ngày 21/10/2013 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xã Y, tỉnh Phú Thọ). Chị Bùi Thị N và anh Cao Văn Đ có 02 (*hai*) con chung là Bùi Cao Thanh B, sinh ngày 07/4/2014 và Bùi Cao Yến N2, sinh ngày 15/6/2018.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.

Tài liệu chứng cứ chị Bùi Thị N giao nộp tại Tòa án:

- Giấy chứng nhận kết hôn giữa Cao Văn Đ và Bùi Thị N (*bản chính*)
- Căn cước công dân của chị Bùi Thị N (*bản sao*);
- Căn cước công dân của anh Cao Văn Đ (*bản sao*);
- Giấy khai sinh mang tên Bùi Cao Thanh B (*bản sao*).
- Giấy khai sinh mang tên Bùi Cao Yến N3 (*bản sao*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ giải quyết việc ly hôn với anh Cao Văn Đ, sinh ngày 24/4/1983, số CCCD 038083038461. Địa chỉ: Xóm T, xã Y, tỉnh Phú Thọ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ.

Tòa án đã triệu tập đương sự, thông báo về mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến các đương sự hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do vậy, bị đơn không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Tòa án đã lập biên bản về phiên họp

tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn, biên bản không tiến hành hoà giải được và nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Toà án đã tiến hành giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên toà, Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến các đương sự nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị N và anh Cao Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xã Y, tỉnh Phú Thọ) ngày 21/10/2013 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị N: Chị N trình bày quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc mà xảy ra nhiều mâu thuẫn từ đó dẫn đến tình cảm phai nhạt và không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị N, anh Đ tại xóm T, xã Y, tỉnh Phú Thọ và gia đình anh Đ sinh sống. Kết quả cho thấy: Quá trình chung sống vợ chồng anh Đ và chị N có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, thỉnh thoảng có xảy ra xô xát đánh nhau, do anh Đ không có việc làm ổn định, hay uống rượu và không làm chủ được hành vi. Chị N và anh Đ sống ly thân từ năm 2023 đến nay, anh Đ làm ăn xa, thỉnh thoảng về nhà riêng của hai vợ chồng ở vài ngày, hai con chung của anh Đ và chị N hiện đang ở với mẹ là chị Bùi Thị N. Gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ và hòa giải nhưng chị N và anh Đ đều không đồng ý quay lại đoàn tụ với nhau nữa.

Xét thấy, vợ chồng anh Đ chị N sống ly thân, thời gian sống ly thân đã lâu, không quan tâm gì đến nhau, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2.2] *Về con chung*: Chị Bùi Thị N và anh Cao Văn Đ có 02 (hai) con chung là Bùi Cao Thanh B, sinh ngày 07/4/2014 và Bùi Cao Yến N2, sinh ngày 15/6/2018. Hiện nay, con chung đang ở với chị N. Xét yêu cầu được nuôi con của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo các điều kiện tốt nhất về chăm sóc, giáo dục và tránh bị xáo trộn về mặt tâm lý. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Cao Văn Đ không có mặt tại Tòa án nên không có căn cứ để xem xét nguyện vọng của anh Đ. Con chung đang sinh sống ổn định với chị N. Từ ngày

vợ chồng sống ly thân, anh Đ không có nghề nghiệp ổn định, không chủ động chu cấp tiền ăn học cho các con, chỉ khi các con xin tiền học thì anh Đ gửi cho 1.000.000 – 2.000.000 đồng nhưng không thường xuyên.

Như vậy, con chung đang sinh sống ổn định với chị N. Hiện nay chị N là Giáo viên trường Tiểu học và Trung học cơ sở C, xã Q, tỉnh Phú Thọ. Thu nhập hàng tháng là 16.677.648 đồng/tháng. Bên cạnh đó chị N vẫn tham gia sản xuất chăn nuôi tại gia đình và có thu nhập. Do vậy, đề nghị của chị N, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giao cho chị N được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Chị N chưa yêu cầu anh Cao Văn Đ việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị Bùi Thị N và anh Cao Văn Đ không có tài sản chung vợ chồng nên không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị Bùi Thị N và anh Cao Văn Đ không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[2.5] *Về án phí*: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thị N. Xử cho chị Bùi Thị N ly hôn anh Cao Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 (hai) con chung là Bùi Cao Thanh B, sinh ngày 07/4/2014 và Bùi Cao Yến N2, sinh ngày 15/6/2018. Chị Bùi Thị N chưa yêu cầu anh Cao Văn Đ việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Cao Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị N đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0006194 ngày 24/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ (cơ sở 3);
- VKSND khu vực 15 - Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Phú, tỉnh Phú Thọ (*nơi lưu giữ hồ sơ kết hôn của Bùi Thị Nhâm và Cao Văn Đạo ngày 21/10/2013 tại xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Hương

